

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28** /2017/HSST

Ngày: 16/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Sáu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Phước Tân**;

2. Ông **Huỳnh Thanh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A xét xử lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thúy N (tên gọi khác **L**), sinh năm 1978 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; cha Nguyễn Bình Q, sinh năm 1950; mẹ Phạm Thị Đ, sinh năm 1950; chồng Võ Văn U đã ly hôn năm 2004; có 01 con sinh năm 1996;

Chưa có tiền án, tiền sự;

Bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG:

Người bị hại:

Bà **Lại Thị Trúc M**, sinh năm 1942; Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Bảo Q1**, sinh năm 1977; Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông **Nguyễn Bình Q**, sinh năm 1950; Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà M có mặt, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 24/3/2017, Nguyễn Thị Thúy N điều khiển xe mô tô từ nhà ở huyện C, tỉnh An Giang đến nhà bà Lại Thị Trúc M (Mẹ ruột Q1) ngụ ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang để lấy tài sản của bà M mà trước đó N đã thấy trong quá trình sống chung với Nguyễn Bảo Q1. Khi cách nhà bà M khoảng 500 mét, N gửi xe tại quán nước rồi đi bộ vào nhà bà M. N vào nhà thì phát hiện bà M ở phía sau, nên N đi vào phòng ngủ của Q1, đợi bà M đi ra khỏi nhà, thì vào phòng bà M lấy chìa khóa tủ của bà M để trong túi áo khoát và mở tủ đựng quần áo, tiếp tục dùng chìa khóa có sẵn mở ngăn tủ nhỏ bên trong lấy 02 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng 04 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18 kara, trọng lượng 0,8 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 01 lượng, hình dạng mắc xích có mặt hình phật bà quan âm bằng cẩm thạch và 8.000.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, N đi về nhà mẹ ruột ở huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi bị mất tài sản, bà M đến Công an xã Đ, huyện A trình báo sự việc. Ngày 29/3/2017, Cơ quan điều tra mời N làm việc thì N thừa nhận việc lấy tiền và vàng của bà M.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản số 17/KL.TSDGTTTHS ngày 27/4/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 02 (hai) chiếc nhẫn trơn vàng 24kara, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, có giá trị: 13.940.000 đồng;
- 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18kara, trọng lượng 0,8 chỉ, có giá trị 1.752.000 đồng;
- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18kara, mặt cấn hột cẩm thạch, trọng lượng 10 chỉ, có giá trị 21.900.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là: 37.592.000 đồng.

Bản cáo trạng số 22/VKS-HS ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận phù hợp nội dung vụ án. Bị cáo đã từng chung sống với anh Q1 như vợ chồng trong nhà bà M nên biết nơi bà M cất giấu tài sản. Sau khi lấy được tài sản thì bị cáo đã bán sợi dây chuyền, nhẫn vàng 18 Kara, còn lại 02 nhẫn vàng 24 Kara. Ngày 28/3/2017, bị cáo đã đưa lại cho anh Q1 30.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng 24 Kara để anh Q1 mang trả lại cho bà M.

Bà Lại Thị Trúc M trình bày: Chiều ngày 24/3/2017, bà đi ra khỏi nhà nhưng không khóa cửa. Khoảng 20 phút sau trở về thì thấy cửa nhà chính mở ra. nghi mất trộm, bà vào kiểm tra thì phát hiện mất số tài sản như vụ án đã nêu. Ngày 28/3/2017, anh Nguyễn Bảo Q1 đưa cho bà 30.000.000 đồng và 02 nhẫn vàng 24Kara, mỗi chiếc 02 chỉ, nói là N trả lại. Bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi; nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy N, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2

Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo N từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Bị cáo N, người bị hại M không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện A, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bảo Q1, Nguyễn Bình Q và những người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong hồ sơ đã có lời khai của họ; lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo N, bà M, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 191, 192 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét thấy lời khai của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ ngày 24/3/2017, bị cáo Nguyễn Thị Thúy N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tiền, vàng của bà Lại Thị Trúc M. Tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị là 45.952.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với bị cáo N là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Về tính chất vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản như bao nhiêu vụ án khác, bị cáo cũng vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nên thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, trong vụ án này còn cho thấy đạo đức hiện nay bị xuống cấp. Nhiều người vì muốn có tiền mà bất chấp thủ đoạn, đánh đổi tình thân. Bị cáo với người bị hại đã có mối quan hệ “mẹ chồng, con dâu”. Bởi con của bà M là anh Nguyễn Bảo Q1 với bị cáo đã từng chung sống như vợ chồng; bị cáo đã từng chung sống trong gia đình bà M và đã gọi mẹ - con. Lẽ ra, với mối quan hệ này, bị cáo phải có bổn phận cùng chăm lo

vun đắp tình cảm, cùng lo làm ăn để tạo ra của cải vật chất cho gia đình. Bị cáo không làm được điều đó mà còn chiếm đoạt tài sản của bà M để tiêu xài cá nhân. Bị cáo biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm để răn đe, trừng trị bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về lượng hình: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao trả tài sản và bồi thường cho người bị hại; bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại cũng có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ hành vi; giá trị tài sản chiếm đoạt, xét cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa như đề nghị của Viện kiểm sát.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Tang vật vụ án không thu hồi đầy đủ nhưng bị cáo đã bồi thường đủ giá trị tài sản chiếm đoạt cho người bị hại. Bà M không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Xe mô tô mà bị cáo N sử dụng làm phương tiện đến nhà bà M thực hiện hành vi phạm tội lẽ ra bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xe là của ông Nguyễn Bình Q (Cha bị cáo N), việc N sử dụng xe làm phương tiện đến nhà bà M chiếm đoạt tài sản ông Q hoàn toàn không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản; bị cáo mới phạm tội lần đầu, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thúy N (L)**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thúy N (L) 09 (Chín) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam 10/5/2017 (*Ngày mười tháng năm năm hai ngàn không trăm mười bảy*).

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy N (L) phải chịu **200.000 đồng** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị cáo, người bị hại là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- Nhà tạm giữ huyện A;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo N;
- Người bị hại;
- THADS huyện A;
- HSVA;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Trần Văn Sáu